

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định việc quản lý, xác định chi phí dịch vụ công ích đô thị
trên địa bàn tỉnh Gia Lai .**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

*Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT- BXD ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 67/TTr-SXD ngày
20/11/2018,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định việc quản lý, xác định chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị; định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung và định mức lợi nhuận trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị; công tác quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai đối với các dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đô thị; duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định, thẩm định, phê duyệt dự toán và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị

1. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do mình quản lý.

2. Sở Xây dựng tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị đối với các trường hợp còn lại trừ trường hợp đã quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Quy định định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung và định mức lợi nhuận trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị

1. Định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung:

a) Chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí nhân công trực tiếp đối với các loại dịch vụ công ích như sau:

Đơn vị tính: %

STT	Loại dịch vụ công ích	Loại đô thị	
		II	IV, V
1.	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đô thị	50	48
2.	Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị	48	45
3.	Duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị	47	45

b) Đối với công tác dịch vụ công ích đô thị có chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công lớn hơn 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được xác định theo định mức tỷ lệ bằng 4% chi phí xe, máy, thiết bị thi công.

2. Định mức lợi nhuận (LN) được tính tỷ lệ bằng 3,5% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công ích đô thị.

Điều 5. Công tác quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị

1. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị được giao quản lý dịch vụ công ích đô thị tổ chức xác định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị. Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị phải phù hợp với quy trình kỹ thuật, điều kiện thực hiện, mặt bằng giá thị trường và khả năng cân đối ngân sách để thực hiện.

Trường hợp cần thiết, được thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm thực hiện thẩm tra hồ sơ dự toán để phục vụ công tác thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị.

2. Đối với các chi phí giám sát, chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị được giao quản lý dịch vụ công ích đô thị căn cứ vào khả năng ngân sách và hướng dẫn của Bộ Xây dựng để thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị được giao quản lý dịch vụ công ích đô thị tổng hợp các định mức dịch vụ công ích đô thị có sự khác biệt về điều kiện thực hiện so với quy định trong hệ thống định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp, xây dựng định mức mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho áp dụng sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng.

Điều 6. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 15/02/2018 nhưng chưa ký hợp đồng thì phải điều chỉnh dự toán theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2018.

Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này; định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Võ Văn*

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- TT UB Mặt trận TQVN tỉnh;
- Cục KTVB QPPL- Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, CNXD, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Nguyễn Đức Hoàng